TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 499/2026/DS-ST
Ngày: 30 - 3 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn
2. Ông Võ Hoàng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 687/2025/TLST–DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2026/QĐXXST–DS ngày 06 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 743/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH W
Người đại diện theo pháp luật: Ông Moon Y – Chức danh: Tổng Giám đốc
Địa chỉ trụ sở: Phường H, quận B, Thành phố H.
Nay địa chỉ mới là: Phường T, Thành phố H.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Phương D, sinh năm 2003
Địa chỉ liên lạc: Tầng 3, Tòa nhà G, Phường T, Thành phố H.
(Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2025)

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1975
Địa chỉ: Phường M, Quận T, Thành phố H.
Nay địa chỉ mới là: Phường P, Thành phố H.
Tạm trú: Ấp S, xã B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH W có ông Ngô Phương D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 21/5/2021 Công ty Tài chính TNHH MTV M (Sau đây viết tắt là Công ty M) và bà Ngô Thị M có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 2270251 để cho bà M vay số tiền 21.089.450 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi đồng), mục đích để mua hàng hóa là điện thoại Iphone 12promax 128gb của nhãn hiệu Apple tại cửa hàng Thanh Tùng, lãi suất trong hạn là 45%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 67,5%/năm, lãi suất chậm trả là 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 20/5/2022, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm.

Đồng thời, để bảo hiểm sức khỏe người vay vốn trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà M có ký Hợp đồng bảo hiểm số 8555881 với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ M ngày 22/5/2021. Theo đó, bà M là người được bảo hiểm trong trường hợp tử vong hoặc bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thì Công ty M là người được ưu tiên thụ hưởng khoản tiền bảo hiểm. Đây không phải là giao dịch bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bà M theo Hợp đồng tín dụng nên Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ M không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty M đã giải ngân đủ số tiền vay trên cho bà M gồm: Chuyển khoản thanh toán thay cho bà M tiền mua điện thoại vào tài khoản của cửa hàng bán điện thoại số tiền 19.990.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) và nộp thay bà M phí bảo hiểm cho Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ M là 1.099.450 đồng (Một triệu không trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Theo nội dung được các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thì bà M có trách nhiệm trả cho Công ty M tiền gốc và lãi hàng tháng là 2.228.958 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi tám nghìn chín trăm năm mươi tám đồng) trong thời hạn 11 tháng kể từ ngày 20/6/2021 đến ngày 20/4/2022; tháng cuối trả 2.190.012 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi nghìn không trăm mười hai đồng) vào ngày 20/5/2022. Tuy nhiên, sau khi giải ngân thì bà M chỉ thanh toán cho Công ty M 02 lần vào ngày 21/6/2021 và ngày 23/7/2021 với tổng số tiền là 4.466.782 đồng (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng) thì ngưng, không thanh toán nữa. Tính đến ngày 20/6/2022 thì bà M còn nợ Công ty M tổng số tiền là 24.181.322 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm tám mươi mốt nghìn ba trăm hai mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 18.162.429 đồng (Mười tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh là 6.018.893 đồng (Sáu triệu không trăm mười tám nghìn tám trăm chín mươi ba đồng).

Ngày 20/6/2022 Công ty TNHH W (sau đây viết tắt là Công ty W) và Công ty M có thỏa thuận ký kết Hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu số 2731/2022/TTCN/M-W. Theo nội dung của hợp đồng thì Công ty W đồng ý mua toàn bộ các khoản nợ cần phải thu của khách hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ Công ty M, trong đó có khoản nợ nêu trên của bà Ngô Thị M.

Mặc dù Công ty W nhiều lần liên hệ nhắc nhở và đề nghị thanh toán nợ, nhưng đến nay bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký. Do đó, nay Công ty W khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị M thanh

toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty W với tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/3/2025 là 54.877.520 đồng (Năm mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi đồng); trong đó nợ gốc là 18.162.429 đồng (Mười tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi là 36.715.091 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm mười lăm nghìn không trăm chín mươi mốt đồng) và buộc bà Ngô Thị M tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 27/3/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà Ngô Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà M vẫn vắng mặt, không rõ lý do; bà M cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Công ty W.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Công ty W do ông Ngô Phương D đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị M thanh toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty W với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/3/2026 là 64.976.328 đồng (Sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi tám đồng); trong đó nợ gốc là 18.162.429 đồng (Mười tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi là 46.813.899 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng) và buộc bà Ngô Thị M tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn bà Ngô Thị M vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty W.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty TNHH W khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị M trả số tiền vay còn nợ. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn bà Ngô Thị M hiện cư trú tại xã B, Thành phố H nên

căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 2270251 ngày 21/5/2021 được ký kết giữa bên đề nghị vay vốn bà Ngô Thị M với bên cho vay Công ty M có cơ sở xác định bà Ngô Thị M có vay tiền của Công ty M để mua hàng hóa là điện thoại Iphone 12promax 128gb của nhãn hiệu Apple tại cửa hàng Thanh Tùng là đối tác kinh doanh với Công ty M.

Nội dung Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2]. Căn cứ phiếu báo nợ ngày 24/5/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam có nội dung thanh toán: *"M chuyển tiền giải ngân CDL Ngô Thị M HD 2270251"* và Giấy chứng nhận Bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm số 8555881 ngày 23/5/2021 của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ M xác định Công ty M đã giải ngân cho bà M đủ số tiền vay theo thỏa thuận tại tiểu mục 7.4 mục 7 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2270251 ngày 21/5/2021.

[3.3]. Theo nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thì bà Ngô Thị M có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho Công ty M trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 20/6/2021 đến ngày 20/5/2022. Tuy nhiên, bà M chỉ mới thanh toán cho Công ty M tổng số tiền từ ngày 21/6/2021 đến ngày 23/7/2021 là 4.466.782 đồng (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng) thì ngưng, không thanh toán nữa.

[3.4]. Ngày 20/6/2022 Công ty TNHH W (sau đây viết tắt là Công ty W) có thỏa thuận ký kết Hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu số 2731/2022/TTCN/M-W với Công ty M. Theo nội dung của hợp đồng thì Công ty W đồng ý mua toàn bộ các khoản nợ cần phải thu của khách hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ Công ty M, trong đó có khoản nợ của bà Ngô Thị M.

Căn cứ Điều 450 Bộ luật dân sự năm 2015, Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/5/2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì việc mua bán nợ giữa Công ty W với Công ty M phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực. Công ty W trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến

khoản nợ được mua, bán của Công ty M kể từ thời điểm Công ty W nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ Công ty M theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ.

[3.5]. Do bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty W khởi kiện yêu cầu bà M thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/3/2026 là 64.976.328 đồng (Sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi tám đồng); trong đó nợ gốc là 18.162.429 đồng (Mười tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi là 46.813.899 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 31/3/2026 cho đến khi bà M thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 23 và 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.6]. Theo kết quả xác minh của Công an xã B, Thành phố H thì bà Ngô Thị M hiện ngụ tại Ấp S, xã B, Thành phố H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà M không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà M chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3.7]. Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2270251 ngày 21/5/2021 là 64.976.328 đồng (Sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi tám đồng); trong đó nợ gốc là 18.162.429 đồng (Mười tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi là 46.813.899 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng) và bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/3/2026 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 357, Điều 450, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 23 và Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/5/2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH W đối với bà Ngô Thị M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Ngô Thị M có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH W số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2270251 ngày 21/5/2021 là 64.976.328 đồng (Sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi tám đồng); trong đó nợ gốc là 18.162.429 đồng (Mười tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi là 46.813.899 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.248.816 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm mười sáu đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH W số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.371.938 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm ba mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001347 ngày 02/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Xuân Hương